TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 969/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 174/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thi Ngoc Q 1991(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 4 Q, phường A, Quân G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Bùi Đức H (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: F Đ, Phường G, Quận H, T phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày: Ông H1 và bà Q sống chung từ năm 2009, có giấy chứng nhận kết hôn số 294 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2009. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, xảy ra nhiều mâu thuẫn,vợ chồng đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nay bà Q yêu cầu ly hôn với ông H1.

Con chung: Vợ chồng có hai con là Bùi Duy T, sinh ngày 21/12/2013 và Bùi Thi Tuyết N, sinh ngày 13/01/2017.

Bà Q đề nghị được nuôi con Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 13/01/2017, giao ông Q nuôi con Bùi Duy T, sinh ngày 21/12/2013 tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với cả hai vợ chồng.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa nên Tòa án không thu thập được lời khai và không tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm Tố tụng. Yêu cầu của bà Q là có căn cứ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Q, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 8 theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông H1 sống chung từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà Q yêu cầu ly hôn với ông H1 vì ông không còn tình cảm dành cho chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đối với ông H1, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không đến Tòa để lấy lời khai, tham dự phiên hòa giải đoàn tụ gia đình, tham gia phiên tòa xét xử để trình bày ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân với bà Q, điều đó chứng tỏ ông H1 không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không còn tình cảm dành cho vợ.

Hội đồng xét xử nhận thấy mối quan hệ hôn nhân giữa ông H1 và bà Q không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Q là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Con chung: Vợ chồng có hai con là Bùi Duy T, sinh ngày 21/12/2013 và Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 13/01/2017. Xét thấy yêu cầu của bà Q là được trực tiếp nuôi con Bùi Thi

Tuyết N, sinh ngày 13/01/2017 và ông H1 nuôi con Bùi Duy T, sinh ngày 21/12/2013, cả hai không nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tài sản chung: Đương sự tự xác nhận không có.

[6] Nợ chung: Đương sự tự xác nhận không có.

[7] Bà Q phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2009 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Q.

1.1. Quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc Q được ly hôn với ông Bùi Đức H2.

1.2. Con chung: có con chung tên Bùi Duy T, sinh ngày 21/12/2013 và Bùi Thị Tuyết N, sinh ngày 13/01/2017. Giao cho bà Lê Thi Ngọc Q trực tiếp nuôi con là Bùi Thi Tuyết N, sinh ngày 13/01/2017. Giao cho ông Bùi Đức H2 trực tiếp nuôi con là Bùi Duy T, sinh ngày 21/12/2013. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho con đối với ông H2, bà Q cho đến khi bà Q, ông H2 có đơn yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Tài sản chung: Đương sự tự xác nhận không có.

1.4. Nợ chung: Đương sự tự xác nhận không có.

2. Án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm bà Q phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 002579 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà Q đã thi hành xong án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM
- VKSND Q.8
- Chi cục THADS Quận 8
- UBND Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh
- Các đương sự.
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giàu